

Số: **45** /QĐ-HĐTV

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư vào doanh nghiệp**

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Tổng Công ty Khánh Việt thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UB ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt thành Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 2932/QĐ-UB ngày 12/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh



ng nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính Ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư vào doanh nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2014 trở đi.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt; Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp; Các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Tổng Công ty Khánh Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TV HĐQT, KSV TCT;
- Các Phòng ban TCT, Ban Kiểm soát nội bộ TCT;
- Các Cty TNHH MTV 100% vốn Tcty;
- Các Cty có cổ phần, vốn góp của TCT (p/h);
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Tường Anh**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN ĐỐI VỚI PHẦN VỐN**  
**TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-HĐTV ngày 28/4/2014*  
*của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Tổng Công ty) đầu tư vào doanh nghiệp; mối quan hệ giữa Tổng Công ty và Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty đầu tư vào doanh nghiệp trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Công ty (dưới vai trò là cổ đông, thành viên góp vốn) tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Tổng Công ty; Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại:

a) Doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bao gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu; các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

b) Các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Tổng Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Tổng Công ty đầu tư vào doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Người đại diện) là cá nhân được Tổng Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Công ty, bao gồm:

a) Người đại diện là người làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp.

b) Người đại diện là viên chức quản lý, người lao động thuộc Tổng Công ty được cử hoặc chỉ định làm Người đại diện kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 3. Người đại diện theo ủy quyền có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:**

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.
4. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.
5. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng, kinh nghiệm thực tế từ ba (03) năm trở lên về quản lý tài chính doanh nghiệp, về kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của vị trí được ủy quyền làm Người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài thì Người đại diện phải có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài.
6. Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý, điều hành doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng Công ty và của người có thẩm quyền quyết định việc ủy quyền làm Người đại diện.
7. Người đại diện tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với chức danh đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của doanh nghiệp; các tiêu chuẩn của chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Luật cán bộ công chức và theo các quy định pháp luật khác có liên quan đối với người được cử làm đại diện tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng Công ty.
8. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4. Số lượng Người đại diện và nội dung văn bản ủy quyền đối với Người đại diện**

1. Tổng Công ty quyết định về số lượng, thành phần, cơ cấu Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều

lệ của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có phần vốn Tổng Công ty theo các căn cứ sau:

- a) Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp;
- b) Tỷ lệ phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp;
- c) Ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- d) Chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của Tổng Công ty;
- đ) Các quy định khác của pháp luật.

Trường hợp Tổng Công ty ủy quyền cho từ 02 (hai) Người đại diện trở lên thì Tổng Công ty xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho mỗi Người đại diện và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung (sau đây viết tắt là Người đại diện phụ trách chung).

2. Việc ủy quyền của Tổng Công ty cho Người đại diện phải thực hiện bằng văn bản. Văn bản ủy quyền bao gồm các nội dung sau:

- a) Nhiệm vụ giao cho Người đại diện;
- b) Đánh giá hoạt động của Người đại diện;
- c) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện;
- d) Quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, thù lao trả cho Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- đ) Quy định về việc bồi thường vật chất trong trường hợp Người đại diện có hành vi gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty và tổ chức, các nhân có liên quan;
- e) Những nội dung khác (nếu có).

### **Điều 5. Chế độ hoạt động của Người đại diện**

1. Người đại diện làm việc theo chế độ:

- a) Chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc/Ban Giám đốc).
- b) Kiêm nhiệm trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện:

- a) Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện do Tổng Công ty quyết định theo nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.
- b) Trường hợp có sự thay đổi Người đại diện trong nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị thì thời hạn ủy quyền Người đại diện là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị đó.

3. Người đại diện đã được Tổng Công ty ủy quyền thì không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được Tổng Công ty ủy quyền, cho ý kiến.

## **Điều 6. Nhiệm vụ của Người đại diện**

**1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Tổng Công ty giao:**

**a)** Người đại diện tại doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải xin ý kiến Tổng Công ty bằng văn bản để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

**b)** Người đại diện tại doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ được tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Đối với những nội dung không quy định tại Khoản 4 Điều 29 nói trên, nhưng làm thay đổi lợi ích của Tổng Công ty như: làm giảm phần vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp hoặc làm giảm tỷ lệ vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp và các lợi ích khác của Tổng Công ty tại doanh nghiệp (nếu có) thì Người đại diện phải xin ý kiến Tổng Công ty bằng văn bản trước khi có ý kiến biểu quyết, quyết định.

### **2. Trách nhiệm báo cáo của Người đại diện**

#### **a) Các hình thức Báo cáo**

- Báo cáo định kỳ (hàng Quý, năm): trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác của doanh nghiệp, định kỳ (Quý, năm), Người đại diện theo quy định Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (theo Mẫu số 01 đính kèm Quy chế này).

Người đại diện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp định kỳ 6 tháng, năm (theo Mẫu số 02 đính kèm Quy chế này). Tổng Công ty có thể căn cứ tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty trên vốn điều lệ của doanh nghiệp để quy định cụ thể các chỉ tiêu Người đại diện phải báo cáo.

Thời hạn Người đại diện gửi báo cáo cho Tổng Công ty là trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn lập báo cáo tài chính quý, năm theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Báo cáo theo yêu cầu đột xuất:

Căn cứ mục đích quản lý của Tổng Công ty, yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, trên cơ sở quy định hoặc thông báo bằng văn bản của Tổng

